

TỈNH TRÀ VINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Trà Vinh, ngày 19 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có

1. Công nhân sự thỏa thuận của các đương sự:

Địa chỉ: Số X, khóm Y, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Diệp có chị Nguyễn Thị Bé Lành, sinh năm

Đồng hi đợn:

1. Ông Lê Minh S, sinh năm 1909
2. Bà Đoàn Ngọc Th, sinh năm 1969

Cảng địa chỉ: 50 C, Khối 1, phường D, thành phố H và H, tỉnh H và H.

1. Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1951
Địa chỉ: A122, khu VII, phường 5

2. Ông Đoàn Văn A, sinh năm 1949
Địa chỉ: khám B Ch. phòng 1, thị

Địa chỉ: ấp C Đ, xã Nh I, huyện C I

Địa chỉ: ấp C D, xã Nh E, huyện C E, tỉnh T A và tỉnh

4. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1956

Địa chỉ: khóm E, phường F, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

5. Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1982

Địa chỉ: số C, khóm Y, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông K, ông A, bà H, bà B, ông Đ có ông Lê Minh S là người đại diện theo ủy quyền.

6. Chị Vòng Ngọc Bích T, sinh năm 1991

7. Anh Lê Duy Nh, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Số C, khóm Y, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 11 diện tích, 66,6m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm Y, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CN 090767, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 20/3/2018.

Qua khảo sát, đo đạc theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2021, với sự chỉ ranh và hiện trạng thực tế sử dụng của các đương sự, sơ đồ thửa đất kèm theo công văn số: 1326/CNTPTV, ngày 24/9/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xác định:

* Thửa đất tranh chấp có tổng diện tích 55,9m², được chia 3 phần ký hiệu A, B, C được thể hiện như sau:

+ phần đất ký hiệu (A) diện tích 51,9m², các cạnh được thể hiện như sau:

- Hướng Đông: giáp thửa 113 (điểm 1 – 2) có số đo 10,48m và (điểm 2 - 4) có số đo 1,86m.

- Hướng Tây: giáp đường đất (điểm 5- 6) có số đo 10,35m.

- Hướng Nam: giáp thửa 225 (điểm 4 - 5) có số đo 6,00m.

- Hướng Bắc: giáp đường đất (điểm 1- 6) có số đo 3,80m.

+ phần đất ký hiệu (B, C) diện tích 4,0m², các cạnh được thể hiện như sau:

- Hướng Đông: giáp thửa 113 (điểm 3) ngay cạnh tam giác có số đo 0,0m.

- Hướng Tây: giáp phần đất ký hiệu (A) (điểm 2- 4) có số đo 1,86m.

- Hướng Nam: giáp thửa 225 (điểm 3 - 4) có số đo 3,14m và 1,04m.

- Hướng Bắc: giáp thửa 113 (điểm 2 - 3) có số đo 1,10m và 3,70m.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Đ, bị đơn ông Lê Minh S, bà Đoàn Ngọc Th cùng các đương sự có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn A, Đoàn Văn K, Đoàn Thị H, Đoàn Thị B, Vòng Ngọc Bích T và anh Lê Duy Nh thống nhất thỏa thuận như sau:

- Ông Lê Minh S, bà Đoàn Ngọc Th cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn A, Đoàn Văn K, Đoàn Thị H, Đoàn Thị B, Vòng Ngọc Bích T và anh Lê Duy Nh đồng ý giao trả phần đất tranh chấp có ký hiệu A với tổng diện tích là 51,9m², tọa lạc tại khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và tài sản trên đất gồm 5 bụi chuối, 02 cây đu đủ và 24,3m³ cát sang lấp cho bà Nguyễn Thị Đ toàn quyền sử dụng, định đoạt. Ông S, bà Th đồng ý di dời tài sản có

trên đất ra khỏi phần đất trên gồm:

- 01 bàn thờ thổ chủ
- 02 chậu kiểng trồng cây lưỡi hổ
- 01 chậu kiểng trồng cây xả
- 02 chậu kiểng trồng cây rau thơm
- 01 chậu kiểng trồng cây Nguyệt Quế.
- 01 chậu kiểng trồng cây hoa giấy
- Mái hiên (Phần 2) có kết cấu kèo đòn tay gỗ, mái lợp tôn thiết diện tích $2,7m \times 4,7m = 12,69m^2$.
- Hàng rào khung lưới B40 (gồm phần 01 cánh cửa rào và 01 trụ sắt) cao $2,15m$ x dài $1m = 2,15m^2$.
- Hàng rào bao lưới B40 bao quanh mốc 2-1; 1-5, cao $1,5m$ – dài $14,7m$ có diện tích $22,5m^2$.

- Bà Nguyễn Thị Đ đồng ý giao phần đất tranh chấp có ký hiệu B, C, với tổng diện tích là $4,0m^2$, tọa lạc tại khóm Y, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cho ông Lê Minh S, bà Đoàn Ngọc Thtoàn quyền sử dụng. Ông S, bà Th được giữ nguyên hiện trạng vật kiến trúc mà ông S, bà Th đã xây dựng trên đất gồm nhà chính có diện tích $(1,7m \times 4,7m) / 2 = 3,99m^2$, hành lang trước nhà chính nền lát gạch men có diện tích $2,4m \times 4,7m = 11,28m^2$, mái hiên (phần 1) nằm trên hành lang nhà chính có diện tích $2,4m \times 4,7m = 11,28m^2$.

Bà Đ đồng ý hỗ trợ cho ông S, bà Th tiền giá trị cát sang lấp là 6.998.400 đồng, tiền 5 bụi chuối là 200.000 đồng; tiền 02 cây đu đủ là 290.000 đồng; với tổng số tiền là 7.488.400 đồng (Bảy triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn bốn trăm đồng) (đã giao nhận xong).

Vị trí tứ cận phần đất tranh chấp ký hiệu A, B, C đã được liệt kê như trên.

Vị trí hình thể, diện tích thửa đất và chiều dài các cạnh của hai thửa 224, thửa 113 và phần diện tích đất tranh chấp được chiếu theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2021 và sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 1326/CNTPTV, ngày 24/9/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để thi hành.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 224 và thửa đất số 113, cùng tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại khóm Y, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cho phù hợp theo hiện trạng và sự thỏa thuận của các đương sự.

** Chi phí thẩm định, định giá:* là 6.420.000 đồng.

- Ông Lê Minh S, bà Đoàn Ngọc Th tự nguyện chịu 3.210.000 đồng (Ba triệu hai trăm mười ngàn đồng) tiền thẩm định, định giá, Bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu 3.210.000 đồng (Ba triệu hai trăm mười ngàn đồng) tiền thẩm định, định giá do bà Đ đã tạm ứng chi phí thẩm định, định giá trước 10.000.000 đồng, nên ông S, bà Th giao lại cho bà Đ số tiền 3.210.000 đồng (đã giao nhận xong), số tiền tạm ứng còn thừa 3.580.000 đồng (Ba triệu năm trăm tám chục ngàn đồng) bà Đ được nhận lại tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

** Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên bà Đ được miễn 3.168.500 đồng (Ba triệu một trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Minh S và bà Đoàn Ngọc Th tự nguyện chịu 3.168.500 đồng (Ba triệu một trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục Thi hành án DS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu HS

THẨM PHÁN
(Đã Ký)

Huỳnh Kim Triều